TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-PT
Ngày: 05 - 11 - 2019
"V/v: tranh chấp quyền
sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Võ Bá Lưu
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ và ông Nguyễn Thái Sơn
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nam - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLPT- TCDS ngày 11/6/2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2019/DS - ST ngày 23 tháng 1 năm 2019 của TAND huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1022/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Hữu N, sinh năm: 1964
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
Bị đơn: Ông Đinh Minh T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Bà Đinh Thị L, sinh năm 1961
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
- Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt;
- Bà Đinh Thị D, sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;
- Ông Đinh Quang T, sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt;

- UBND huyện Minh Hóa do ông Đinh Minh H – Phó chủ tịch huyện làm đại diện theo ủy quyền, có mặt tại phiên tòa ngày 09/8/2019, vắng mặt vào ngày 09/9/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- Nguyên đơn ông Đinh Hữu N trình bày: Năm 2008 ông Đinh Hữu N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 703357 đối với thửa số 206, tờ bản đồ số 15 với diện tích 60.386m^2 đất có rừng tự nhiên sản xuất khoanh nuôi bảo vệ tại địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Nguồn gốc thửa đất này là do vào năm 2004 ông N và ông Đinh Quang T cùng ở Thôn S, xã H đổi đất cho nhau, ông T được sử dụng đất của ông N tại thôn K, xã H, còn ông N được sử dụng 60.000m^2 đất của ông T tại Thôn S, xã H việc chuyển đổi này có Hợp đồng chuyển đổi và được UBND xã xác nhận. Đến năm 2010, ông Đinh Hữu N phát hiện ông Đinh Minh T ở Thôn S, xã H lấn chiếm quyền sử dụng đất rừng của ông với diện tích 40.000m^2. Vì vậy ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Minh T phải trả lại quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 40.000m^2.

- Bị đơn ông Đinh Minh T trình bày: Nguồn gốc đất rừng của ông T đang sử dụng là của bố đẻ của ông cho khoảng hơn 40.000m^2 đất rừng đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 2008 với diện tích 41.356m^2, kề với đất của ông T là đất của ông Đinh Quang T ở Thôn S, xã H có diện tích 69.000m^2. Ông Đinh Quang T vừa đổi đất cho ông N với diện tích khoảng 65.000m^2, vừa chuyển đổi cho bà Đinh Thị L với diện tích khoảng 65.000m^2. Như vậy, một thửa đất mà chuyển đổi, chuyển nhượng cho 02 người. Trước đây ông N đã nhờ địa chính xã lên đo đất và xác định ranh giới giữa các thửa đất, ông N và ông T từng thống nhất để nguyên hiện trạng sử dụng đất, nay ông N khởi kiện yêu cầu trả lại đất lấn chiếm ông T không đồng ý.

- Ông Đinh Quang T trình bày: Gia đình ông Đinh Quang T được Nhà nước cấp đất lâm nghiệp tại Thôn S, xã H với diện tích 6,9 ha. Năm 2004, ông Đinh Quang T và ông N chuyển đổi đất lâm nghiệp cho nhau có hợp đồng, tuy nhiên sau đó vợ ông Đinh Quang T không đồng ý nên việc chuyển đổi không thành, giấy chứng nhận QSD đất ông Đinh Quang T vẫn cất giữ. Đến năm 2010, gia đình ông Đinh Quang T đã chuyển nhượng thửa đất nói trên cho gia đình bà Đinh Thị L cùng ở Thôn S, xã H, giao giấy chứng nhận QSD đất cho địa chính xã làm thủ tục chuyển nhượng, UBND huyện Minh Hóa đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà

Đinh Thị L . Không có việc ông Đinh Quang T sử dụng đất đổi cho ông N tại thôn K.

Tại Bản án số: 01 /2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của TAND huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng: khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 143, 146, 147, 226 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 10, 51 Luật đất đai năm 2003; Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014):

- Xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu N về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Minh T phải trả lại 40.000m^2 đất rừng cho ông N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/1/2019 ông Đinh Hữu N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện, buộc ông Đinh Minh T trả lại đất đã lấn chiếm cho ông N.

Tại cấp phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ ông Đinh Hữu N, hộ ông Đinh Minh T, hộ bà Đinh Thị L tại Thôn S, xã H. Đồng thời ủy thác lấy lời khai của bà Đinh Thị L ; Đề nghị UBND huyện Tuyên Hóa cho biết ý kiến đối với việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với 03 hộ trên và UBND huyện Tuyên Hóa đã có công văn trả lời số: 23/TNMT ngày 26/4/2019.

Ngày 09/10/2019, TAND tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa phúc thẩm, tại phiên tòa ông Đinh Hữu N có yêu cầu thẩm định lại 02 thửa đất đang tranh chấp, xét thấy việc thẩm định là cần thiết để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa. Ngày 18/10/2019, Hội đồng xét xử đã xem xét thẩm định tại chỗ đối với 02 thửa đất số: 206 tờ bản đồ số 15 được cấp giấy mang tên ông bà Đinh Hữu N, Đinh Thị Đ và thửa số: 199 tờ bản đồ số 15 được cấp giấy mang tên ông, bà Đinh Minh T, Đinh Thị D .

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và không bổ sung, thay đổi hay rút đơn kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí toà án, tuyên xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N, sửa án sơ thẩm: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Hữu N, buộc ông Đinh Minh T trả lại diện tích 37.716m^2 đất rừng tại thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15 địa chỉ Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình do ông T trồng cây lấn chiếm trên phần đất của ông Đinh Hữu N và bà Đinh Thị Đ .

Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Đinh Hữu N đồng ý để ông Đinh Minh T tiếp tục chăm sóc số cây mà ông T đã trồng trên phần đất của ông cho đến khi khai thác với thời gian 03 năm kể từ ngày 09/9/2019, đến ngày 09/9/2022 ông Đinh Minh T và bà Đinh Thị D phải khai thác toàn bộ số cây Keo + Tràm đã trồng để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm như đã xác định ở trên cho ông Đinh Hữu N và bà Đinh Thị Đ .

Về chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: Ông Đinh Minh T phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định.

Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N được chấp nhận nên ông Đinh Hữu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Buộc ông Đinh Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đinh Hữu N khởi kiện tranh chấp đất với ông Đinh Minh T, trong vụ án này, 02 thửa đất có tranh chấp là thửa số: 206 tờ bản đồ số 15 được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông, bà Đinh Hữu N, Đinh Thị Đ và thửa đất số: 199 tờ bản đồ số 15 được cấp giấy CNQSD đất mang tên ông bà Đinh Minh T, Đinh Thị D. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đinh Thị Đ và bà Đinh Thị D vào tham gia tố tụng vụ án là thiếu sót, nay tại cấp phúc thẩm Tòa án bổ sung tư cách tham gia tố tụng của bà Đ và bà D là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Đinh Quang T, bà Đinh Thị D có thửa đất liên quan đến việc chuyển đổi đất cho ông Đinh Hữu

N nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tư cách ông T , bà D tham gia vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09/8/2019 bà Đinh Thị Đ ủy quyền cho ông Đinh Hữu N tham gia tố tụng, bà Đinh Thị Di vắng mặt có giấy xin vắng mặt. Bà Đinh Thị D , được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt. Do đó phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà D , bà Đ , theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 09/9/2019 bà D và bà Đ có mặt.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn khởi kiện, buộc ông Đinh Minh T trả lại 40.000m^2 đất rừng đã lấn chiếm cho ông, Hội đồng cấp phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Tại bản án sơ thẩm số 01 /2019/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2019 của TAND huyện Minh Hóa và hồ sơ vụ án, sau khi có lời khai của ông Đinh Quang T về việc năm 2004 ông T chuyển đổi đất cho ông N nhưng không thành công, đến năm 2010, cùng thửa đất đó ông Thành chuyển nhượng lại cho bà Luyến, UBND huyện Minh Hóa đã cấp giấy CNQSD đất cho bà L từ việc chuyển nhượng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh, điều tra làm rõ về hồ sơ chuyển đổi đất giữa ông Đinh Hữu N và ông Đinh Quang T và hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông Đinh Quang T và bà Đinh Thị L . Do đó, tại cấp phúc thẩm Tòa án đã thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất số AI 703357 ngày 05/9/2009 đối với thửa số 206, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: Thôn S, xã H, cấp cho ông Đinh Hữu N, bà Đinh Thị Đ và Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất số BB 737045 ngày 20/9/2010 đối với thửa 213 tờ bản đồ số 15 địa chỉ Thôn S, xã H cấp cho bà Đinh Thị L và ông Đinh Thanh L .

Theo hồ sơ, ông Đinh Hữu N, bà Đinh Thị Đ được cấp giấy CNQSD đất theo hợp đồng chuyển đổi ngày 28/3/2004, thửa đất ông Đinh Quang T chuyển đổi cho ông N là thửa số 138 tờ bản đồ số 03, có giấy chứng nhận QSD đất số 00051QSDĐ/QĐ số 89 cấp ngày 28/3/2002 cấp cho ông Đinh Quang T và bà Đinh Thị D , nay là thửa số 206 tờ bản đồ số 15 tại Thôn S, xã H cấp cho ông Đinh Hữu N và bà Đinh Thị Đ . Còn bà Đinh Thị L , ông Đinh Thanh L được cấp giấy CNQSD đất theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 07/4/2010; Nguồn gốc thửa đất ông Đinh Quang T chuyển nhượng cho bà L là trước năm 2008 thuộc UBND xã quản lý, đến năm 2008 được cấp cho ông Đinh Quang T , nay là thửa số 213 tờ bản đồ số 15 tại Thôn S, xã H được cấp cho bà Đinh Thị L , ông Đinh Thanh L .

Hộ ông Đinh Hữu N và hộ bà Đinh Thị L đã thống nhất ranh giới 02 thửa đất tại biên bản ngày 05/5/2017 của Tổ công tác của UBND xã H đi thực địa xác minh ranh giới các thửa đất rừng.

Tại các bản khai của bà Đinh Thị L đã thừa nhận: Bà có nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Đinh Quang T tại Thôn S, xã H vào năm 2010 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/9/2010, số BB 737045, thửa đất số 213, tờ bản đồ số 15, diện tích 65.960 m^2. Từ đó đến nay bà sử dụng trồng cây tại thửa đất này, tại khu vực này còn có hộ ông Đinh Hữu N và các hộ khác sử dụng đất từ trước. Ranh giới giữa hộ ông N và hộ bà L đã xác định, không có việc ông N và bà L cùng sử dụng 01 thửa đất.

Tại văn bản số 23/TNMT ngày 26/4/2019 của UBND huyện Minh Hóa có ý kiến: Không có việc trên cùng một thửa đất (Thửa số 206 tờ bản đồ số 15) UBND huyện vừa cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Hữu N, Đinh Thị Đ vừa cấp giấy CNQSD đất cho bà Đinh Thị L . UBND huyện Minh Hóa cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà Đinh Thị L và hộ ông Đinh Hữu N đối với 02 thửa đất có vị trí tiếp giáp nhau, không có sự cấp trùng hay chồng lấn.

Giấy chứng nhận QSD đất của 03 hộ: ông Đinh Hữu N; Đinh Minh T; Đinh Thị L phù hợp với bản đồ địa chính đất rừng xã H năm 2008, là 03 thửa khác nhau có ranh giới tiếp giáp nhau.

Từ những chứng cứ và phân tích trên, có thể khẳng định việc ông Thành khai: "*năm 2004 ông T chuyển đổi đất cho ông N, sau đó không đồng ý chuyển đổi nữa, nên năm 2010 cùng thửa đất đó ông T chuyển nhượng lại cho bà L , cùng một thửa đất UBND huyện Minh Hóa vừa cấp giấy chứng nhận QSD đất cho hộ ông N, vừa cấp giấy CNQSD đất cho hộ bà L "* là không có cơ sở.

[2.2] Đối với hợp đồng chuyển đổi đất giữa ông Đinh Hữu N và ông Đinh Quang T vào ngày 28/3/2004, đã có xác nhận của UBND xã Hóa Phúc. Ông Đinh Quang T thừa nhận có việc chuyển đổi đất cho ông N và ký vào hợp đồng chuyển đổi. Mặc dù ông Th khai việc chuyển đổi đất không có chữ ký của vợ là bà Đinh Thị D nhưng từ năm 2004 đến nay, sau khi bà D biết được việc chuyển đổi đất giữa chồng mình với ông N nhưng không có ý kiến phản đối, không gửi đơn đến cấp có thẩm quyền để đề nghị hủy bỏ giao dịch chuyển đổi. Ông T, bà D cũng không sử dụng thửa đất, không thực hiện nghĩa vụ thuế đối với thửa đất từ đó đến nay, hơn nữa sau khi nhận chuyển đổi đất ông N đã trồng cây trên thửa đất này từ năm 2004 nhưng bà D và ông T không có ý kiến phản đối. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông T, bà D không yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của hợp đồng chuyển đổi đất giữa ông T và ông N nên Tòa án không xem xét. Đồng thời theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất của hộ ông Đinh Hữu N vào năm 2008 thì hộ ông Đinh Quang T đã ký xác nhận mốc giới liền kề với thửa đất đã chuyển đổi cho ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà D trình bày và xác định lại ông

bà có 02 thửa đất ở Thôn S, xã H 01 thửa đã chuyển đổi cho ông N vào năm 2004 và 01 thửa đã chuyển nhượng cho bà L vào năm 2010. Như vậy, Hợp đồng chuyển đổi đất giữa ông T và ông N có hiệu lực, ông Đinh Hữu N, bà Đinh Thị Đ được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15 địa chỉ Thôn S, xã H. Ông Đinh Hữu N có quyền khởi kiện khi cho rằng thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15 đã được cấp cho mình bị lấn chiếm.

Ông Đinh Quang T , bà Đinh Thị D có quyền trực tiếp liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật đối với thửa đất số 48 tờ bản đồ số 03, có địa chỉ tại thôn K, xã H, huyện M của ông Đinh Hữu N đã chuyển đổi (Hiện thửa đất này có giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Đinh Hữu N). Trường hợp có tranh chấp thì ông T và bà D có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2.3] Đối với nội dung ông Đinh Hữu N yêu cầu ông Đinh Minh T trả lại diện tích 40.000m^2 đã lấn chiếm, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bản đồ năm 1999, 2005, 2008 (được lữu trữ tại UBND xã Hóa Phúc) và sơ đồ thẩm định thì thửa đất của ông Đinh Minh T được cấp giấy chứng nhận QSD đất là thửa số 199 có diện tích 41.356m^2 có vị trí tiếp giáp với thửa đất số 138 tờ bản đồ số 3 nay là thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15. Theo mốc giới do ông Đinh Minh T và ông Đinh Hữu N xác định thì diện tích cây trồng tại biên bản thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm vào ngày 29/8/2019, đối chiếu với bản đồ năm 2008 và giấy chứng nhận QSD đất của ông Đinh Hữu N thì diện tích hộ ông Đinh Minh T trồng keo trên thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15 là: 37.716m^2, trong đó diện tích trồng cây Keo có đường kính từ 2 đến 5cm là 37.435m^2, diện tích trồng cây Tràm có đường kính > 10cm là 281m^2. Như vậy, ông Đinh Hữu N khởi kiện yêu cầu ông Đinh Minh T trả lại đất đã trồng cây lấn chiếm là có cơ sở. Cần chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N để sửa bản án sơ thẩm. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ông Đinh Hữu N yêu cầu ông Đinh Minh T trả lại 40.000m^2 đất đã lấn chiếm tại thửa 206 tờ bản đồ 15, tuy nhiên theo kết quả thẩm định thì ông Đinh Minh T trồng cây trên thửa đất 206 tờ bản đồ số 15 với diện tích 37.716m^2, như vậy cần buộc ông Đinh Minh T trả lại đúng diện tích đã sử dụng lấn chiếm.

[2.4] Về tài sản của ông Đinh Minh T trên thửa đất 206 tờ bản đồ số 15 đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Đinh Hữu N, bà Đinh Thị Đ : Theo biên bản thẩm định ngày 29/8/2019, diện tích ông T trồng cây là 37.716m^2, trong đó diện tích trồng cây Keo có đường kính từ 2 đến 5cm là 37.435m^2, diện tích trồng cây Tràm có đường kính > 10cm là 281m^2. Theo biên bản định giá ngày 17/10/2018 của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm, đương sự không có ý kiến gì đối với việc áp giá

của Hội đồng định giá theo Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình về ban hành quy định mức bồi thường, hỗ trợ các loại cây trồng, vật nuôi....trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Như vậy, giá tài sản là cây keo, tràm của ông Đinh Minh T trên thửa đất đang tranh chấp như sau:

- Cây Keo có đường kính từ 2 đến 5cm có diện tích là 37.435m^2 x 22.260.000 đồng/ha = 83.330.000 đồng.

- Cây Tràm có đường kính >10cm có diện tích 281m^2 x 38.176.000 đồng/ha =1.073.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thỏa thuận được với nhau cụ thể: Ông Đinh Hữu N đồng ý để ông Đinh Minh T tiếp tục chăm sóc số cây mà ông T đã trồng trên phần đất của ông cho đến khi khai thác với thời hạn 03 năm kể từ ngày 09/9/2019 đến ngày 09/9/2022, ông T phải khai thác toàn bộ số cây đã trồng để trả lại đất đã lấn chiếm cho ông N. Thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên.

[2.5] Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Ông Đinh Hữu N có yêu cầu thẩm định lại và nộp tạm ứng chi phí thẩm định 5.000.000 đồng. Hội đồng phúc thẩm chí phí thẩm định hết 3.800.000 đồng. Ông Đinh Hữu N được nhận lại 1.200.000 đồng tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Hữu N được chấp nhận nên buộc ông Đinh Minh T hoàn lại số tiền 3.800.000 đồng về chi phí thẩm định cho ông Đinh Hữu N.

Về chi phí thẩm định tại cấp sơ thẩm số tiền 3.000.000đ, ông Đinh Hữu N đã nộp, ông đồng ý để ông chịu nên không xem xét.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N được chấp nhận nên ông Đinh Hữu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Buộc ông Đinh Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí toà án.

1.Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đinh Hữu N; Sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng khoản 20 Điều 3, Điều 49, 50, 52, 105, 107 Luật đất đai 2003; Điều 96, 166, 170, 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, Điều 169 BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 7 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên môi trường; Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên môi trường, xử:

[1.1] Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đinh Hữu N, buộc ông Đinh Minh T trả lại diện tích 37.716m^2 đất rừng tại thửa đất số 206 tờ bản đồ số 15 địa chỉ Thôn S, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình do ông T trồng cây lấn chiếm trên phần đất của ông Đinh Hữu N và bà Đinh Thị Đ , cụ thể hình thể thửa đất phải trả lại như sau:

Cạnh 2 đến cạnh 3 có kích thước: 183,1m

Cạnh 3 đến 4 có kích thước: 181,1m

Cạnh 4 đến 5 có kích thước: 68,7m

Cạnh 5 đến 12 có kích thước:13,4m

Cạnh 12 đến 13 có kích thước: 57,7m

Cạnh 13 đến 8 có kích thước: 78,0m

Cạnh 8 đến 9 có kích thước: 382,3m

Cạnh 9 đến 2 có kích thước: 158,5m

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

[1.2] Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Đinh Hữu N đồng ý để ông Đinh Minh T tiếp tục chăm sóc số cây mà ông T đã trồng trên phần đất của ông cho đến khi khai thác với thời hạn 03 năm kể từ ngày 09/9/2019, đến ngày 09/9/2022 ông Đinh Minh T và bà Đinh Thị D phải khai thác toàn bộ số cây Keo + Tràm đã trồng để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm như đã xác định ở trên (mục 1.1) cho ông Đinh Hữu N và bà Đinh Thị Đ . Trường hợp đến hết ngày 09/9/2022 ông T, bà D không khai thác số cây đã trồng trên phần đất lấn chiếm thì ông N, bà Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Minh Hóa thi hành theo quyết định của bản án phúc thẩm.

[1.3] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc ông Đinh Minh T hoàn trả số tiền 3.800.000 đồng cho ông Đinh Hữu N.

[2] Về án phí dân sự: Ông Đinh Hữu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng mà ông đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0004014 ngày 25/5/2018 và 300.000 đồng mà ông đã nộp tại biên lai số: AA/2017/0004096 ngày 30/1/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

Buộc ông Đinh Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Các quyết định khác của bản án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKDND h.Minh Hóa
- TAND h.Minh Hóa;
- Chi cục THA h.Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Võ Bá Lưu